

Số: 3487 /QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 7 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000 và Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 100/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan;

Căn cứ Quyết định số 18/2006/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy chế tổ chức quản lý hoạt động Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước giai đoạn 2006 - 2010 và Quyết định số 23/2006/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 11 năm 2006 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2006/QĐ-BKHCN ngày 15 tháng 9 năm 2006;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 348/SKHCN-QLKH, ngày 03 tháng 5 năm 2007 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 418/TTr-SNV ngày 01 tháng 6 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 124/2003/QĐ-UB ngày 23 tháng 7 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Thành ủy;
- TTUB: CT, PCT/TT, VX;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Sở Nội vụ (02b);
- VPHĐ-UB: PVP/KT, VX;
- Phòng PC-NC, VX, CNN;
- Website TP.HCM;
- Lưu: VT, (CNN/HH) D. 445

**KỊCH BẢN TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Thành Tài

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ
QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU
KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Kèm theo Quyết định số : 3487 /QĐ-UBND
ngày 20 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc quản lý các đề tài, dự án thuộc các Chương trình Khoa học và Công nghệ của thành phố Hồ Chí Minh và được áp dụng cho tất cả các tổ chức, cá nhân khi thực hiện nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách của thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giải thích khái niệm

1. Chương trình Khoa học và Công nghệ thành phố (sau đây gọi tắt là chương trình): là hệ thống các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ cho việc giải quyết các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, bao gồm các đề tài nghiên cứu khoa học (khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ, khoa học xã hội - nhân văn), các đề tài triển khai công nghệ và các dự án sản xuất thử nghiệm, dự án triển khai công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Đề tài nghiên cứu khoa học (sau đây gọi tắt là đề tài): là nhiệm vụ khoa học cụ thể nghiên cứu hoặc triển khai áp dụng những ý tưởng khoa học hoặc những thành tựu khoa học công nghệ vào hoàn cảnh cụ thể, được thể hiện dưới các hình thức: đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp cả nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

3. Dự án khoa học (sau đây gọi tắt là dự án): là nhiệm vụ triển khai áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học có xuất xứ khác nhau để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế xã hội hoặc sản xuất thử nghiệm ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

Điều 3. Những quy định chung về quản lý đề tài, dự án

1. Sở Khoa học và Công nghệ làm đầu mối tổng hợp các đề tài, dự án khoa học và công nghệ hàng năm cùng Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.
2. Danh mục và số lượng các chương trình khoa học và công nghệ do Sở Khoa học và Công nghệ ban hành trong kế hoạch 05 năm.
3. Việc xác định đề tài, dự án và tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án được tổ chức hàng năm.
4. Mỗi cá nhân không đồng thời làm chủ nhiệm hoặc đồng chủ nhiệm quá 2 đề tài, hoặc 1 dự án cấp thành phố (cho đến khi nghiệm thu). Mỗi đề tài, dự án có tối đa 2 đồng chủ nhiệm.
5. Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện đề tài, dự án (làm chủ nhiệm) phải có chuyên môn cùng lĩnh vực khoa học và công nghệ mà mình đăng ký (được đào tạo hoặc làm việc ít nhất 3 năm trong lĩnh vực) hoặc liên quan đến lĩnh vực khoa học và công nghệ đăng ký (kèm theo điều kiện đội ngũ cộng tác viên tham gia đề tài phải có chuyên môn phù hợp).
6. Các tổ chức, cơ quan (dưới đây gọi là tổ chức) có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, dự án đều có quyền tham gia đăng ký chủ trì đề tài, dự án.
7. Mỗi tổ chức được đồng thời chủ trì nhiều đề tài, dự án phù hợp với lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức và phải đảm bảo có đủ số lượng cán bộ khoa học, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện các nhiệm vụ khoa học kỹ thuật; mỗi đề tài, dự án chỉ có một cơ quan chủ trì thực hiện.
8. Các tổ chức, cá nhân không được tham gia đăng ký chủ trì, thực hiện đề tài, dự án mới khi vi phạm các điều kiện quy định tại Điều 37 về xử lý vi phạm trong Quy chế này.
9. Đề tài, dự án có cùng nội dung nghiên cứu, triển khai không được đăng ký ở nhiều nơi để nhận thêm kinh phí nghiên cứu.
10. Tất cả các loại đề tài, dự án đều phải bảo vệ đề cương khoa học trước Hội đồng khoa học. Đề cương khoa học và báo cáo giám định, nghiệm thu được bảo vệ tối đa 2 lần.

Nếu sau 2 lần bảo vệ đề cương không đạt, nhưng vì tính cấp thiết của đề tài, dự án, Sở Khoa học và Công nghệ có thể tổ chức tuyển chọn cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án. Những tác giả đã bảo vệ đề cương không đạt không được tham gia tuyển chọn.

Điều 4. Thời gian thực hiện đề tài, dự án

Thời gian thực hiện đề tài, dự án không quá 24 tháng tính từ khi ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học; riêng các đề tài, dự án thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, y tế, nghiên cứu cơ bản được triển khai không quá 36 tháng; các trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định.

Chương II

QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH VÀ TUYỂN CHỌN CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ HÀNG NĂM CỦA THÀNH PHỐ

Điều 5. Những cơ sở để xác định đề tài, dự án

1. Việc xác định các đề tài, dự án của thành phố phải xuất phát từ yêu cầu giải quyết những vấn đề cấp thiết về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của thành phố hoặc một vùng, liên vùng có ý nghĩa đối với sự phát triển của thành phố và phù hợp với chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của quốc gia.

2. Đề tài khoa học phải đảm bảo có giá trị khoa học và công nghệ, có tính mới, tính sáng tạo, tính tiên tiến về công nghệ, tính cấp thiết, tính thực tiễn, tính khả thi và tính liên ngành.

3. Kết quả nghiên cứu của đề tài phải có khả năng ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, đời sống hoặc phục vụ Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố trong hoạch định các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đóng góp cho sự phát triển của vùng và quốc gia (trừ các đề tài nghiên cứu cơ bản chưa có khả năng ứng dụng ngay).

4. Dự án chủ yếu tập trung triển khai kết quả nghiên cứu của các chương trình khoa học và công nghệ ưu tiên, phục vụ phát triển các ngành kinh tế quan trọng, tạo ra quy trình công nghệ và sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Điều 6. Trình tự xác định danh mục đề tài, dự án

Căn cứ vào chiến lược phát triển khoa học và công nghệ 5 năm và các nhiệm vụ, yêu cầu cấp thiết từ thực tiễn công tác quản lý của thành phố Hồ Chí Minh, Sở Khoa học và Công nghệ thành phố tiến hành xây dựng kế hoạch nghiên cứu hàng năm theo các bước sau:

1. Sau khi Ban Chủ nhiệm các chương trình đề xuất mục tiêu và xác định các hướng nghiên cứu ưu tiên trong năm, Sở Khoa học và Công nghệ công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi tới tất cả các sở - ban - ngành, quận - huyện, các trường đại học, các viện nghiên cứu, các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố để xin ý kiến góp ý. Đồng thời, trình Thường trực Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố để xin ý kiến chỉ đạo và nhận các nội dung đặt hàng nghiên cứu khoa học bổ sung của lãnh đạo thành phố (trong 30 ngày).

2. Căn cứ ý kiến chỉ đạo của các cấp lãnh đạo thành phố và góp ý của các đơn vị, Sở Khoa học và Công nghệ xác định mục tiêu, nội dung (có dự kiến sản phẩm cụ thể) của các chương trình nghiên cứu khoa học hàng năm (cho năm kế hoạch tiếp theo) và phổ biến đến các sở - ban - ngành, quận - huyện, các trường đại học, các viện nghiên cứu và các đơn vị hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố và được đăng tải rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên mạng thông tin của thành phố.

3. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày được công bố mục tiêu, nội dung nghiên cứu, Sở Khoa học và Công nghệ tập hợp các hồ sơ đăng ký thực hiện các đề tài, dự án và phân bổ theo các chương trình khoa học và công nghệ của thành phố. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng khoa học tuyển chọn đề tài, dự án để đưa vào kế hoạch thực hiện.

Điều 7. Đề tài, dự án “đặt hàng”

1. Các đề tài, dự án được đặt hàng trực tiếp từ Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố được lập thành danh mục ưu tiên đưa vào kế hoạch. Các đề tài, dự án loại này sẽ được đặt hàng trực tiếp cho nhà khoa học nghiên cứu hoặc tổ chức hội đồng tuyển chọn chủ nhiệm thực hiện.

2. Đề tài, dự án của các sở - ban - ngành khi có yêu cầu nghiên cứu phải ghi rõ mục tiêu, nội dung và yêu cầu sản phẩm cần đạt. Sở Khoa học và Công nghệ có thể tham khảo ý kiến của các ngành liên quan, các Ban Chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ trước khi bổ sung vào kế hoạch hàng năm và tổ chức hội đồng xét duyệt như những đề tài khác.

3. Những đề tài thuộc loại tối mật và tuyệt mật về quốc phòng, an ninh và một số ngành khác có quy định độ mật phải được đưa vào danh mục riêng.

Điều 8. Đề tài, dự án phát sinh

1. Các đề tài, dự án phát sinh trong thực tiễn công tác có tính cấp thiết, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được quyền đặt hàng trực tiếp cho nhà khoa học hoặc tổ chức hội đồng xét duyệt đề cương nghiên cứu để tuyển chọn chủ nhiệm và cấp kinh phí thực hiện.

2. Tổng kinh phí của các đề tài bổ sung ngoài kế hoạch không vượt quá 30% tổng kinh phí được duyệt cho nghiên cứu khoa học hàng năm. Nếu kinh phí đề tài bổ sung đó lớn hơn 300 triệu đồng (đối với đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) và 600 triệu đồng (đối với các đề tài dự án thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ) thì phải xin ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố. Sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức xét duyệt như những đề tài khác.

3. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được ký kết hợp tác với các Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị khoa học khác trong toàn quốc để nghiên cứu và triển khai các đề tài, dự án phục vụ phát triển vùng, miền và cả nước trên nguyên tắc các bên đều có lợi.

Điều 9. Quy trình xét duyệt, tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ

Căn cứ trên kế hoạch khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện công việc xét duyệt, tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài, dự án qua các bước sau:

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án xây dựng đề cương nghiên cứu theo mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ ban hành trên cơ sở mẫu hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Tất cả các cá nhân tham gia chủ trì đề tài, dự án và các cộng tác viên phải thuyết minh năng lực chuyên môn bằng sơ yếu lý lịch khoa học. Các tổ chức chủ trì đề tài, dự án phải chứng minh năng lực thực hiện về nhân sự và cơ sở vật chất, thiết bị... (Mẫu biểu do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn).

3. Đề cương nghiên cứu sẽ được gửi đến các Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ chuyên ngành để thẩm định thông tin (kể cả các đề tài liên quan đến an ninh quốc phòng). Chi phí thẩm định thông tin được tính vào chi phí của đề tài, dự án

Phiếu thẩm định thông tin sẽ cung cấp danh mục các công trình liên quan (trong và ngoài nước) đến lĩnh vực đăng ký nghiên cứu và được Sở Khoa học và Công nghệ gửi cho các thành viên trong hội đồng và chủ nhiệm đề tài, dự án tham khảo trước khi tổ chức cuộc họp xét duyệt.

4. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng khoa học chuyên ngành để tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện đề tài, dự án (gọi tắt là Hội đồng khoa học). Thành phần Hội đồng khoa học được quy định theo Điều 23 của Quy định này. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể ủy quyền cho các Viện nghiên cứu thuộc thành phố thành lập các Hội đồng khoa học.

5. Đề tài, dự án được tuyển chọn thực hiện khi có số điểm trung bình đạt từ 70 điểm trở lên (tính theo thang điểm 100) trên tổng số điểm của các thành viên trong Hội đồng.

6. Sau khi đề tài, dự án được Hội đồng khoa học xét duyệt thông qua, Chủ nhiệm đề tài, dự án sửa đổi, bổ sung đề cương theo góp ý của Hội đồng (nếu có). Chủ tịch Hội đồng đại diện cho Hội đồng khoa học xét duyệt ký xác nhận vào đề cương nghiên cứu. Căn cứ trên biên bản xét duyệt, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ cấp kinh phí và ký kết hợp đồng thực hiện. Hợp đồng được ký kết giữa Sở Khoa học và Công nghệ với cơ quan chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án.

7. Những đề tài, dự án có kinh phí từ 300 triệu đồng trở lên (đối với đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn) và 600 triệu đồng trở lên (đối với đề tài, dự án thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ) được thẩm định về dự toán kinh phí do Tổ Thẩm định gồm đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện trước khi ra thông báo cấp kinh phí cho đề tài, dự án. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ sẽ duyệt kinh phí cho đề tài, dự án dựa trên đề xuất của Tổ Thẩm định.

Chương III **KIỂM TRA, GIÁM ĐỊNH, NGHIỆM THU** **VÀ THANH LÝ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN**

Điều 10. Kiểm tra, giám định đề tài, dự án

1. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng khoa học tư vấn kiểm tra, giám định (nghiệm thu kết quả nghiên cứu từng giai đoạn) của mỗi đề tài, dự án trong quá trình thực hiện, nhằm đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, nội dung nghiên cứu và tiến độ thời gian. Thành phần Hội đồng khoa học được quy định tại Điều 23 của Quy định này.

Đề tài, dự án chỉ được cấp tiếp kinh phí thực hiện khi được Hội đồng khoa học đồng ý thông qua kết quả thực hiện của giai đoạn trước. Trừ trường hợp đề tài, dự án thực hiện dưới 12 tháng hoặc kinh phí dưới 150 triệu đồng, mà hợp đồng không quy định cần kiểm tra, giám định giữa kỳ.

2. Hội đồng khoa học giám định do Sở Khoa học và Công nghệ thành lập căn cứ trên thành phần Hội đồng khoa học xét duyệt, số thành viên có thể thay đổi tùy theo điều kiện thực tế, nhưng phải bảo đảm 2/3 tổng số thành viên trong Hội đồng lúc xét duyệt tham gia Hội đồng giám định nghiệm thu kết quả nghiên cứu từng giai đoạn và tiến độ thực hiện. Trong đó thành viên bắt buộc là đại diện cơ quan đặt hàng (nếu là đề tài đặt hàng) và cơ quan tiếp nhận, ứng dụng kết quả nghiên cứu.

3. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án phải báo cáo tiến độ thực hiện đề tài, dự án 6 tháng/lần. Nếu không có báo cáo thì Sở Khoa học và Công nghệ có quyền đình chỉ nghiên cứu.

Điều 11. Nghiệm thu đề tài, dự án

Tất cả các đề tài, dự án sau khi kết thúc phải tổ chức hội đồng khoa học để nghiệm thu.

Hội đồng khoa học nghiệm thu có ít nhất là 2/3 thành viên của Hội đồng xét duyệt, hoặc giám định. Trong thành phần của Hội đồng phải có đại diện hợp pháp của cơ quan ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án (đối với đề tài, dự án triển khai công nghệ). Mỗi Hội đồng nghiệm thu có ít nhất 2 thành viên phản biện, một thành viên là nhà khoa học, một thành viên có thể là đại diện đơn vị ứng dụng. Thành phần Hội đồng khoa học nghiệm thu được quy định tại Điều 23 của Quy định này.

Nếu đề tài có nhiều sản phẩm chính lớn, mỗi sản phẩm có thể có 1 đến 2 thành viên phản biện.

Biên bản nghiệm thu là văn bản có giá trị pháp lý về việc đánh giá chất lượng và công nhận sự hoàn tất của đề tài, dự án.

Hội đồng khoa học nghiệm thu có trách nhiệm đề xuất hướng nghiên cứu tiếp tục hoặc ứng dụng triển khai đề tài, dự án với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 12. Giao nộp, đăng ký kết quả nghiên cứu và triển khai đề tài, dự án khoa học - công nghệ và thanh lý hợp đồng

1. Đề tài, dự án sau khi nghiệm thu, được hoàn chỉnh sản phẩm khoa học theo góp ý của Hội đồng khoa học (nếu có) có đối chiếu hợp đồng đã ký với Sở Khoa học và Công nghệ, quyết toán kinh phí đầy đủ, đăng ký kết quả nghiên cứu, bàn giao kết quả theo hợp đồng, các sản phẩm của đề tài và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đề tài (nếu có) đã được kiểm kê theo đúng quy định hiện hành sẽ được thanh lý hợp đồng.

Bảng tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án (theo mẫu do Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn) sẽ được đăng tải lên mạng thông tin của Sở.

Kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ của tất cả các đề tài, dự án, dùng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của thành phố (được quy định theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BKHCN ngày 16 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ) sau khi nghiệm thu phải được đăng ký, giao nộp cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lưu giữ kết quả nghiên cứu, các tài liệu liên quan tại Sở, tại Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ của Sở, để phổ biến, bàn giao kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tế.

2. Thanh lý hợp đồng: Đề tài, dự án không thể tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, bắt buộc phải thanh lý hoặc nộp trả kinh phí về ngân sách Nhà nước thì Sở Khoa học và Công nghệ phải thành lập Hội đồng thanh lý (Thành phần gồm: Thanh tra, các phòng chức năng của Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện Sở Tài chính, đại diện cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm đề tài, Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên phản biện và một số nhà khoa học tham gia Hội đồng xét duyệt hoặc giám định đề tài...).

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ biên bản họp Hội đồng thanh lý ra quyết định thanh lý hoặc đình chỉ thực hiện đề tài và thu hồi kinh phí (tỷ lệ kinh phí thu hồi sẽ do Hội đồng thanh lý đề nghị và Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định).

Chương IV **QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ** **ĐỐI VỚI CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, TRIỂN KHAI**

Điều 13. Xác định quyền sở hữu

1. Tất cả các đề tài, dự án nghiên cứu được sử dụng 100% kinh phí từ ngân sách thành phố Hồ Chí Minh thì tất cả các kết quả nghiên cứu thuộc quyền sở hữu của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Sở Khoa học và Công nghệ là đơn vị được Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giao trách nhiệm quản lý toàn bộ kết quả nghiên cứu phát sinh từ các đề tài, dự án nghiên cứu này.

2. Tất cả các kết quả nghiên cứu được sử dụng 100% kinh phí từ ngân sách thành phố Hồ Chí Minh, khi xác lập quyền sở hữu trí tuệ, Sở Khoa học và Công nghệ đứng tên chủ thể quyền hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân có liên quan đứng tên chủ thể quyền.

3. Những đề tài sử dụng một phần kinh phí từ ngân sách thành phố nếu không có thỏa thuận khác thì các kết quả nghiên cứu và các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh thuộc quyền sở hữu chung của các bên tham gia đóng góp kinh phí. Phần sở hữu được xác định theo tỷ lệ đóng góp của các bên.

4. Việc xác định quyền sở hữu đối với các kết quả nghiên cứu và đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh phải được thực hiện theo quy định của Luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ, đồng thời phải được thể hiện trong bản hợp đồng khoa học giữa các bên.

Điều 14. Xác lập quyền sở hữu trí tuệ

1. Chủ sở hữu (được quy định tại Điều 13 của Quy chế này) phải chủ động tiến hành thủ tục xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu của mình trong trường hợp các đối tượng đó chỉ phát sinh quyền khi đăng ký. Khi tiến hành các thủ tục xác lập quyền, người nộp đơn là chủ sở hữu hoặc người được chủ sở hữu ủy quyền. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, trong đó phải ghi rõ tên, địa chỉ bên ủy quyền, bên được ủy quyền và nội dung được ủy quyền.

2. Người được chủ sở hữu ủy quyền phải là những người có liên quan đến quá trình thực hiện đề tài, dự án. Người được ủy quyền khi tiến hành thủ tục xác lập quyền chỉ được thực hiện những nội dung đã được người ủy quyền cho phép. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những nội dung vượt quá ủy quyền thì bên nhận ủy quyền phải thông báo cho chủ sở hữu biết và chỉ được thực hiện những nội dung này nếu được chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản.

3. Đối với các đối tượng tự xác lập quyền không trên cơ sở đăng ký, chủ sở hữu và những người có liên quan phải tiến hành các biện pháp bảo vệ các chứng cứ để chứng minh quyền khi có phát sinh tranh chấp.

4. Tất cả các hồ sơ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đều phải ghi nhận tên tác giả và đồng tác giả trực tiếp thực hiện đề tài nghiên cứu. Chi phí đăng ký quyền sở hữu trí tuệ do chủ sở hữu thanh toán.

5. Thủ tục đăng ký các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 15. Khai thác sử dụng và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ

1. Đối với các kết quả nghiên cứu đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ mà chủ sở hữu đồng thời là chủ thể có toàn quyền khai thác, sử dụng hoặc cho phép người khác khai thác, sử dụng. Việc cho phép phải được thể hiện bằng văn bản và phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

2. Đối với các kết quả nghiên cứu đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ mà chủ sở hữu không đồng thời là chủ thể quyền sở hữu trí tuệ thì khi chủ thể quyền muốn khai thác, sử dụng hoặc chuyển giao quyền sử dụng cho người khác phải được sự chấp thuận của chủ sở hữu.

3. Đối với các kết quả nghiên cứu không xác lập quyền sở hữu trí tuệ, việc khai thác, sử dụng được thực hiện theo Điều 24 của Quy chế này.

4. Tổ chức, cá nhân khác không thuộc khoản 1 và 2 của Điều này nếu khai thác, sử dụng các kết quả nghiên cứu đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ đều phải xin phép chủ thể quyền, trừ trường hợp các tác phẩm được quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Luật Sở hữu trí tuệ.

5. Đối với các kết quả nghiên cứu sử dụng 100% kinh phí từ ngân sách thành phố Hồ Chí Minh, tùy theo nhu cầu thực tế, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố cho phép chuyển giao quyền sở hữu đối với các kết quả nghiên cứu và đối tượng quyền sở hữu trí tuệ phát sinh cho các bên tham gia hoặc cho một bên thứ ba để tạo thuận lợi cao nhất cho việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, nhưng việc chuyển giao phải được tiến hành theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Điều 16. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

1. Bất kể người nào sử dụng kết quả nghiên cứu từ các đề tài, dự án đã được xác lập quyền sở hữu trí tuệ mà không được chủ thể quyền cho phép và không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 25 và Điều 26 của Luật Sở hữu trí tuệ đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền Sở hữu trí tuệ, chủ thể quyền phải nhanh chóng tìm biện pháp để tự bảo vệ hoặc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình theo đúng quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Tổ chức, cá nhân có liên quan nếu phát hiện các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ bị xâm phạm đều phải thông báo cho chủ thể quyền để chủ thể quyền tìm biện pháp thích hợp để ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm.

Điều 17. Phân chia lợi ích

1. Trong quá trình khai thác, sử dụng các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ mà phát sinh lợi nhuận, người khai thác phải thực hiện các nghĩa vụ đối với tác giả, chủ thể quyền và chủ sở hữu theo thỏa thuận. Việc thỏa thuận phải được thể hiện trong bản hợp đồng khoa học giữa các bên và phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp người khai thác quyền không thực hiện nghĩa vụ, chủ sở hữu, chủ thể quyền và tác giả có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Điều 18. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập và bổ nhiệm danh sách thành viên các Ban Chủ nhiệm Chương trình Khoa học và Công nghệ của thành phố.

2. Làm đầu mối, trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm.

3. Tổ chức tuyển chọn và phê duyệt các tổ chức, cá nhân chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của thành phố. Theo dõi, kiểm tra thực hiện, tổ chức đánh giá nghiệm thu và công bố kết quả nghiên cứu triển khai khoa học và công nghệ.

4. Hướng dẫn các văn bản pháp luật của Nhà nước, các biểu mẫu phục vụ cho công tác quản lý các chương trình, đề tài, dự án một cách thống nhất trên địa bàn thành phố.

5. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ được quyền ra quyết định đình chỉ triển khai đề tài, dự án khi có vi phạm Quy chế này sau khi có biên bản đề nghị thanh lý của Hội đồng thanh lý.

Điều 19. Ban Chủ nhiệm các chương trình

1. Mỗi chương trình có Ban Chủ nhiệm. Mỗi Ban chủ nhiệm có từ 7 đến 15 thành viên bao gồm Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, các Ủy viên và Ủy viên Thư ký. Chủ nhiệm Chương trình là cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao, có uy tín khoa học, được tín nhiệm trong giới chuyên môn, có điều kiện đảm đương việc chỉ đạo chương trình. Các thành viên khác của Ban Chủ nhiệm bao gồm các nhà khoa học, các nhà quản lý có chuyên môn phù hợp. Ủy viên Thư ký là chuyên viên của Phòng Quản lý khoa học, thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Ủy viên Thư ký của chương trình giúp Chủ nhiệm Chương trình đảm bảo các thủ tục và chế độ cần thiết cho công tác quản lý của chương trình phù hợp với quy định của Nhà nước.

2. Thời gian hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình có thời hạn 5 năm, tương ứng với kế hoạch 5 năm.

Điều 20. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban chủ nhiệm Chương trình

1. Các thành viên trong Ban Chủ nhiệm Chương trình có nhiệm vụ:

1.1. Căn cứ định hướng của thành phố xây dựng mục tiêu và nội dung hoạt động của chương trình theo kế hoạch 5 năm và hàng năm.

1.2. Xây dựng các mục tiêu, định hướng nghiên cứu và dự kiến sản phẩm khoa học của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể hàng năm.

1.3. Tổ chức theo dõi tình hình thực hiện đề tài, dự án trong phạm vi chương trình, tham gia tư vấn tuyển chọn, xét duyệt, giám định, nghiệm thu đề tài, dự án và giúp Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ điều hành các hoạt động của chương trình.

2. Chủ nhiệm Chương trình triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chủ nhiệm Chương trình, chuẩn bị nội dung các vấn đề đưa ra thảo luận tại các phiên họp của Ban Chủ nhiệm, tổng hợp và thống nhất các ý kiến của các thành viên trong Ban Chủ nhiệm, xây dựng các báo cáo về tình hình hoạt động của chương trình hàng năm và 5 năm. Khi cần thiết Chủ nhiệm Chương trình có thể tổ chức họp mở rộng với sự tham gia của các nhà khoa học, các nhà sản xuất kinh doanh và đại diện các cơ quan quản lý có liên quan để đóng góp ý kiến cho việc xây dựng nhiệm vụ và triển khai chương trình.

3. Ủy viên Thư ký giúp Chủ nhiệm Chương trình chuẩn bị nội dung chương trình, điều kiện và phương tiện làm việc cho các kỳ họp và hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình, ghi biên bản các kỳ họp và tổng hợp, xây dựng các báo cáo theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Chủ nhiệm Chương trình.

4. Các thành viên trong Ban Chủ nhiệm Chương trình được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố. Chi phí cho hoạt động của Ban Chủ nhiệm các chương trình do Sở Khoa học và Công nghệ đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 21. Trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức chủ trì đề tài, dự án

Các tổ chức chủ trì đề tài, dự án phải ký xác nhận và theo dõi hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Chủ nhiệm đề tài, dự án thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ với Sở Khoa học và Công nghệ. Thủ trưởng

các tổ chức chủ trì đề tài, dự án có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc theo dõi và kiểm tra việc thực hiện đề tài, dự án do tổ chức mình thực hiện; có trách nhiệm giám sát chi tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và thanh quyết toán đúng thời gian quy định. Tổ chức chủ trì chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả của đề tài, dự án; nghiêm túc thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng. Tổ chức chủ trì đề tài, dự án phải cử người có thẩm quyền tham dự trong các buổi họp của Hội đồng xét duyệt, giám định hay nghiệm thu đề tài, dự án.

Tổ chức chủ trì đề tài có trách nhiệm trong việc thu hồi kinh phí của đề tài, dự án khi bị kiểm tra, đình chỉ thực hiện đề tài, dự án theo Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Các tổ chức chủ trì đề tài, dự án được hưởng chi phí quản lý của đề tài, dự án theo quy định hiện hành.

Điều 22. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ nhiệm đề tài, dự án

1. Chủ nhiệm đề tài, dự án chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả thực hiện theo đúng các điều khoản cam kết trong hợp đồng.

2. Chủ nhiệm đề tài, dự án được quyền chủ động sử dụng kinh phí được cấp theo chế độ khoán kinh phí hiện hành và điều hòa nhân sự để triển khai thực hiện đề tài, dự án; có trách nhiệm nộp kinh phí thu hồi theo đúng hợp đồng đã ký, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất (nếu có) về tình hình triển khai nhiệm vụ nghiên cứu, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán đề tài, dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước cho Sở Khoa học và Công nghệ thành phố.

3. Sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu, Chủ nhiệm đề tài, dự án phải đăng ký và giao nộp kết quả nghiên cứu với Sở Khoa học và Công nghệ, có kế hoạch triển khai tiếp tục kết quả nghiên cứu và có thể đăng ký giải pháp hữu ích, sáng chế phát minh (khi có ủy quyền nếu nhận 100% kinh phí từ ngân sách thành phố).

Điều 23. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng khoa học tư vấn tuyển chọn, xét duyệt, giám định, nghiệm thu (gọi tắt là Hội đồng khoa học)

1. Hội đồng có số thành viên trung bình từ 7 - 11 người, do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập. Thành viên của Hội đồng phải là các chuyên gia khoa học, các nhà hoạt động xã hội có uy tín, nhà quản lý, khách quan, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu trong lĩnh vực khoa học và công nghệ được giao tư vấn.

2. Mỗi Hội đồng có một Chủ tịch, có thể có một hoặc hai Phó Chủ tịch, có hai Ủy viên phản biện, một Ủy viên Thư ký, các Ủy viên khác và đại diện của cơ quan ứng dụng kết quả nghiên cứu. Số cán bộ quản lý không vượt quá 1/3 số thành viên trong Hội đồng. Đối với những đề tài, dự án lớn (có kinh phí trên 500 triệu đồng) trong trường hợp thật cần thiết có thể có 2 phản biện kín do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chỉ định.

3. Đối với mỗi đề tài, dự án, thành phần Hội đồng từ khi tuyển chọn, xét duyệt đến khi nghiệm thu (đặc biệt là Ủy viên phản biện) được giữ cố định, nếu có thay đổi thì số thành viên thay đổi không vượt quá 1/3 số thành viên ban đầu.

4. Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch, các Ủy viên Hội đồng có trách nhiệm đánh giá khách quan, trung thực đề cương đề tài, dự án (thuyết minh khoa học), kết quả của đề tài, dự án. Hội đồng làm việc công khai, minh bạch và chịu trách nhiệm về nội dung đánh giá của mình. Các thành viên của Hội đồng phải có ý kiến nhận xét và đánh giá đề tài, dự án bằng văn bản trong mỗi lần họp.

5. Mỗi thành viên Hội đồng phải được cung cấp đủ hồ sơ của đề tài, dự án tùy theo mỗi lần họp tuyển chọn, xét duyệt, giám định hay nghiệm thu và phải có đủ thời gian để nghiên cứu, ít nhất là 05 ngày.

6. Những người tham gia chủ chốt trong đề tài, dự án, những người thuộc gia đình (cha, mẹ, vợ, chồng, con) của Chủ nhiệm đề tài (hay những người tham gia chủ chốt trong đề tài) không được là thành viên trong Hội đồng tuyển chọn, xét duyệt, giám định hay nghiệm thu đề tài, dự án.

7. Hội đồng chỉ tiến hành làm việc khi có mặt Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch), 2 Ủy viên phản biện và ít nhất 2/3 số thành viên trở lên. Cơ quan đăng ký chủ trì thực hiện đề tài, dự án; cơ quan đặt hàng (nếu có) phải cử người đại diện có thẩm quyền tham dự. Hội đồng đánh giá bằng cách bỏ phiếu kín chấm điểm theo tiêu chí, thang điểm do Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng.

8. Nếu có phiếu điểm có sự chênh lệch điểm từ 30% so với điểm trung bình của Hội đồng thì phiếu điểm đó không có giá trị và bị loại bỏ.

Điều 24. Trách nhiệm triển khai kết quả nghiên cứu khoa học

1. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài có trách nhiệm công bố kết quả nghiên cứu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Web của Sở khoa học và Công nghệ và các đơn vị, tổ chức có liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của đề tài (trừ những đề tài có độ mật và tối mật phục vụ quốc phòng, an ninh và một số ngành khác theo quy định của pháp luật về vấn đề bảo mật).

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổ chức bàn giao kết quả nghiên cứu cho các đơn vị đặt hàng, chậm nhất là 30 ngày sau khi đề tài, dự án được nghiệm thu nộp báo cáo nghiệm thu đã được chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng khoa học. Các đơn vị chủ trì và đơn vị đặt hàng có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng/lần về việc triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu cho Sở Khoa học và Công nghệ (cho đến khi có kết quả ứng dụng cụ thể đạt hay không đạt). Chủ nhiệm đề tài, cơ quan chủ trì có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ cơ quan ứng dụng triển khai kết quả nghiên cứu.

Điều 25. Trách nhiệm của cơ quan đặt hàng và ứng dụng kết quả nghiên cứu

Cơ quan đặt hàng và ứng dụng kết quả nghiên cứu sau khi nhận được bàn giao từ Sở Khoa học và Công nghệ với sự hỗ trợ tiếp tục từ Chủ nhiệm đề tài phải triển khai ngay kết quả nghiên cứu chậm nhất là 6 tháng; nếu chưa ứng dụng được thì 6 tháng/lần có báo cáo cho Sở Khoa học và Công nghệ đến khi có kết quả ứng dụng cụ thể.

Điều 26. Quyền lợi của những tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học

1. Tổ chức, cá nhân ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học để đổi mới công nghệ, đổi mới quản lý, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc phân chia lợi nhuận được thỏa thuận cụ thể trong từng hợp đồng khoa học và công nghệ giữa các bên, nếu không có thỏa thuận thì phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ đóng góp của các bên trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước thì các bên phải thực hiện nghĩa vụ thu hồi kinh phí đầu tư theo các quy định của pháp luật hiện hành trước khi tiến hành phân chia lợi nhuận.

Chương VI
QUẢN LÝ KINH PHÍ

Điều 27.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố duyệt phân bổ ngân sách sự nghiệp nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ hàng năm trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Hàng năm căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí và cấp kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ về Sở Khoa học và Công nghệ chỉ tiêu kế hoạch dự toán được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Điều 28.

Việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 29.

1. Dự toán kinh phí cho từng đề tài, dự án sẽ do Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định và phê duyệt theo đúng chế độ và định mức quy định.

2. Kinh phí cho mỗi kỳ họp Hội đồng khoa học và công nghệ thành phố (nếu có), cho hoạt động của Ban Chủ nhiệm các chương trình khoa học và công nghệ, cho Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm, được chi theo quy định từ ngân sách sự nghiệp khoa học của thành phố.

3. Đề tài, dự án khoa học và công nghệ thực hiện theo quy định về khoán kinh phí theo Thông tư liên tịch số 93/2006/TTLT/BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Kinh phí cho mỗi kỳ họp Hội đồng xét duyệt, giám định (nghiệm thu từng giai đoạn), nghiệm thu đề tài, dự án do Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chi theo quy định của Nhà nước hiện hành.

5. Kinh phí quản lý cho cơ quan chủ trì được dùng chỉ cho công tác kế toán của đề tài, dự án và quản lý chung tiến độ thực hiện của đề tài, dự án. Được trích lập theo quy định của Nhà nước.

6. Sở Khoa học và Công nghệ được trích từ mỗi đề tài, dự án 3 triệu đồng/năm để phục vụ công tác quản lý Nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn. Các nội dung chi từ nguồn kinh phí này bao gồm: thuê khoán chuyên môn, làm việc ngoài giờ, các công tác phục vụ quản lý khác.

Điều 30.

Sau khi đề tài, dự án được duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành ký kết hợp đồng khoa học và triển khai công nghệ với cơ quan chủ trì đề tài, dự án, với Chủ nhiệm đề tài và chuyển kinh phí cho đề tài, dự án theo tiến độ thực hiện về tài khoản của cơ quan chủ trì.

Điều 31.

Kinh phí đề tài, dự án được cấp cho mỗi giai đoạn phải được quyết toán với Sở Khoa học và Công nghệ theo tiến độ thực hiện và tuân thủ theo các quy định về chế độ chi tiêu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm quyết toán kinh phí với Sở Tài chính. Tổ chức chủ trì và Chủ nhiệm đề tài, dự án có trách nhiệm quyết toán kinh phí của đề tài, dự án vào cuối kỳ kế hoạch hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ.

Đề tài, dự án khoa học và công nghệ chỉ được cấp tiếp kinh phí khi đã hoàn thành việc quyết toán kinh phí cấp lần trước. Kinh phí của mỗi đề tài, dự án được giữ lại 10 - 20% trên tổng kinh phí, phần này sẽ được cấp sau khi đề tài được nghiệm thu với kết quả đạt trở lên.

Điều 32.

Đề tài khoa học sau khi nghiệm thu, nhận kinh phí lần cuối phải được quyết toán kinh phí sau cùng với Sở Khoa học và Công nghệ, chậm nhất một tháng và phải giao nộp toàn bộ kết quả nghiên cứu cho Sở Khoa học và Công nghệ theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 33.

Những đề tài, dự án không nhận 100% kinh phí nghiên cứu, triển khai từ ngân sách khoa học và công nghệ của thành phố, chỉ nhận kinh phí hỗ trợ nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ (dưới 100 triệu đồng) sau khi nghiệm thu 1 năm phải chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các đơn vị khác hoặc công bố rộng rãi; ngân sách thành phố không hỗ trợ một đơn vị quá 2 lần trong 3 năm.

Điều 34.

Đối với các đề tài, dự án khác không dùng ngân sách thành phố để nghiên cứu, nhưng muốn xác nhận sản phẩm khoa học thì được Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ lập Hội đồng khoa học nghiệm thu sản phẩm nghiên cứu. Chi phí cho Hội đồng nghiệm thu do người yêu cầu hoặc nơi yêu cầu chi trả, những trường hợp đặc biệt phải có ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương VII KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 35. Khen thưởng

1. Đối với các đề tài, dự án hoàn thành đúng hạn và vượt mức nhiệm vụ đặt ra, tạo nên những kết quả khoa học và công nghệ xuất sắc sẽ được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân thành phố khen thưởng thích đáng, hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân thực hiện những công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được ứng dụng vào thực tế, góp phần đem lại hiệu quả lớn cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Điều 36. Khiếu nại, tố cáo

Việc khiếu nại, tố cáo vi phạm quy chế quản lý hoạt động các chương trình đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thành phố được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

Điều 37. Xử lý vi phạm

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân chủ nhiệm đề tài, dự án trong quá trình tổ chức, thực hiện chương trình, đề tài, dự án nếu vi phạm quy định của Luật Khoa học và Công nghệ, vi phạm Quy chế này, vi phạm hợp đồng khoa học và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, buộc bồi thường kinh phí thực hiện đề tài, dự án, không được tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách Nhà nước.

Chủ nhiệm đề tài, dự án bị trễ hạn quá 12 tháng chưa nghiệm thu, chưa quyết toán (không chứng minh được lý do chính đáng) sẽ không được đăng ký thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.

Các cơ quan, tổ chức có 3 đề tài, dự án trễ hạn hoặc không quyết toán kinh phí trên 18 tháng trở lên, không được đăng ký chủ trì đề tài, dự án trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.

Các cơ quan tổ chức, cá nhân không làm đầy đủ trách nhiệm quản lý Nhà nước về khoa học và trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao, đặt ra các thủ tục ngoài quy định hoặc sách nhiễu thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Pháp lệnh Cán bộ công chức và quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức.

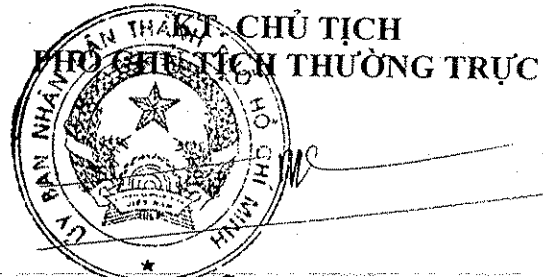
Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 38.

Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các sở - ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 39.

Trong quá trình áp dụng Quy chế này, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh sẽ xem xét quyết định điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thành phố, trên cơ sở kiến nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức khoa học có liên quan./.



★
Nguyễn Thành Tài